

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TÍNH TỰ LẬP CỦA TRẺ 4 - 5 TUỔI TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG THEO HƯỚNG TRẢI NGHIỆM Ở TRƯỜNG MẦM NON

Lê Thị Huyền¹

TÓM TẮT

Tính tự lập là một trong những phẩm chất quan trọng trong tâm lí của nhân cách con người. Giáo dục tính tự lập cho trẻ là sự cần thiết đối với trẻ em trong xã hội hiện đại. Nhờ có tính tự lập, trẻ em dễ dàng tham gia vào các hoạt động, các mối quan hệ xã hội ở gia đình, nhà trường và cộng đồng. Bài viết làm rõ khái niệm tính tự lập, tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi; trải nghiệm; giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non; Xây dựng các tiêu chí và thang đo mức độ tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi trong các hoạt động giáo dục ở trường mầm non. Thiết kế bài tập tình huống làm công cụ đo mức độ tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi trong hoạt động chơi và hoạt động lao động làm minh họa cho quá trình thực hiện qui trình đánh giá tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi; sử dụng trong quá trình nghiên cứu, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục tính tự lập cho trẻ nói riêng, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ở trường mầm non nói chung.

Từ khóa: *Tính tự lập, trẻ 4 - 5 tuổi, trải nghiệm, các hoạt động, trường mầm non.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tính tự lập là một trong những phẩm chất quan trọng trong tâm lí của nhân cách con người. Trong giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non, giáo dục tính tự lập cho trẻ là một mục tiêu hàng đầu, nhằm đáp ứng năng lực cốt lõi của giáo dục hiện nay là tự chủ và đòi hỏi đối với trẻ em trong xã hội hiện đại. Nhờ có tính tự lập, trẻ em dễ dàng tham gia vào các hoạt động, các mối quan hệ xã hội ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

Với nhiều hướng tiếp cận khác nhau, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã khai thác tính tự lập của trẻ ở nhiều phương diện. G. Alekseeva (2018), L.L. Badina (2018),... đi sâu nghiên cứu về bản chất tính tự lập của trẻ. Nguyễn Hồng Thuận (2002), Nguyễn Ánh Tuyết (2007), S.Teplyuk (1991)... phân tích và làm rõ về sự hình thành và phát triển tính tự lập của trẻ. Các nhà nghiên cứu Vlasova (2000), Zvereva (2015) đã nghiên cứu làm rõ về cấu trúc tính tự lập của trẻ. Như vậy, hệ thống lý luận chung về tính tự lập là cơ sở khoa học cho quá trình nghiên cứu và giáo dục tính tự lập cho trẻ. Để giáo dục tính tự lập cho trẻ 4 - 5 tuổi ở trường mầm non mang lại kết quả, cần thiết phải nghiên cứu, xây dựng công cụ đánh giá mức độ tính tự lập của trẻ thông qua các hoạt động trong thực tiễn, giúp các nhà nghiên cứu, các nhà giáo dục có căn cứ đo lường mức độ tính tự lập của trẻ trong thực tiễn. Trong nghiên cứu tác giả trình bày một số khái niệm công cụ, các tiêu chí, thang đo mức độ tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi; bài tập tình huống trong hoạt động hỗ trợ cho quá trình đánh giá mức độ tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi trong các hoạt động ở trường mầm non.

¹ Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Hồng Đức; Email: lethihuyen@hdu.edu.vn

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Một số khái niệm công cụ

2.1.1. Tính tự lập

Tính tự lập là một phẩm chất của nhân cách, thể hiện khả năng tự đưa ra và thực hiện các quyết định mà không cần nhắc nhở từ bên ngoài, thể hiện trách nhiệm và sẵn sàng chịu trách nhiệm về hành vi của bản thân, sự tin tưởng hành vi của mình là đúng, có ý nghĩa xã hội” [10].

2.1.2. Tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi

Tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi là một phẩm chất tâm lí, thể hiện năng lực cá nhân, tự đưa ra quyết định, tự thực hiện hoạt động với sự cố gắng của cá nhân, không phụ thuộc nhiều vào người lớn [1; tr.19-24].

2.1.3. Trải nghiệm

Theo tác giả Hoàng Thị Phương: “trải nghiệm là quá trình cá nhân được tham dự hay tiếp xúc, tương tác trực tiếp, được chiêm nghiệm, tự tích lũy kiến thức, kĩ năng, thái độ tạo thành kinh nghiệm riêng cho bản thân” [2].

2.1.4. Giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ

Giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ là phương thức mà giáo viên sử dụng các hoạt động giáo dục ở trường mầm non để tổ chức cho trẻ được tiếp xúc, tương tác trực tiếp với môi trường xung quanh bằng các giác quan để chiêm nghiệm, tích lũy kiến thức, kĩ năng, thái độ tạo thành kinh nghiệm riêng cho bản thân.

2.2. Công cụ đánh giá mức độ tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi

2.2.1. Các tiêu chí đo mức độ tính tự lập cho trẻ 4 - 5 tuổi trong các hoạt động ở trường Mầm non

Để đánh giá được mức độ tính tự lập của trẻ, cần xây dựng từ tiêu chí, thang đo đến hệ thống bài tập tình huống.

Căn cứ vào cấu trúc tâm lí và biểu hiện tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi [1; tr.2], chúng tôi xây dựng công cụ đo mức độ tính tự lập theo cách tiếp cận các hoạt động ở trường mầm non, bao gồm 54 chỉ báo thể hiện 3 tiêu chí về hành vi, thái độ và nhận thức của trẻ trong từng hoạt động.

Bảng 1. Tiêu chí và chỉ báo đo mức độ tính tự lập cho trẻ 4 - 5 tuổi trong các hoạt động ở trường Mầm non

| Hoạt động | Tiêu chí và chỉ báo | | |
|-----------|---|--|--|
| | Về hành vi | Về thái độ | Về nhận thức |
| | 1. Trẻ tự lựa chọn góc chơi, trò chơi, vai chơi...; tự chọn | 4. Trẻ vui vẻ, sẵn sàng tham gia chơi. | 7. Trẻ kể tên trò chơi, vai chơi mà mình thích chơi, |

| | | | |
|-----------------------|--|---|---|
| 1. Hoạt động chơi | đồ dùng, đồ chơi; tự cắt, lấy đồ dùng, đồ chơi đúng nơi qui định; tự thực hiện các hành động của vai chơi. | | đang chơi. Trẻ kể được tên của đồ dùng, đồ chơi cần chơi. |
| | 2. Trẻ tự giải quyết những tình huống xảy ra trong quá trình chơi theo khả năng. | 5. Trẻ tập trung vào vai chơi, thể hiện được hành động chơi, nội dung chơi. | 8. Trẻ kể được nội dung của vai chơi, cách thức thể hiện vai chơi, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. |
| | 3. Trẻ tự tìm kiếm sự giúp đỡ từ người khác để hoàn thành nhiệm vụ. | 6. Trẻ không bỏ dở khi chơi. | 9. Trẻ nói được trách nhiệm của mình trong khi chơi. Gặp khó khăn phải tự tìm sự giúp đỡ từ người khác. |
| 2. Hoạt động học | 10. Trẻ tự thực hiện các nhiệm vụ mà giáo viên giao cho trong quá trình hoạt động. | 13. Trẻ vui vẻ, sẵn sàng tham gia hoạt động. | 16. Trẻ kể được nhiệm vụ mà mình cần thực hiện trong hoạt động học. |
| | 11. Trẻ tự giải quyết các tình huống xảy ra trong hoạt động. | 14. Trẻ tập trung chú ý để thực hiện các nhiệm vụ học tập. | 17. Trẻ mô tả cách thức thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động. |
| | 12. Trẻ tự tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết trong hoạt động. | 15. Trẻ không bỏ dở công việc khi chưa làm xong. | 18. Trẻ nói được trách nhiệm của mình trong hoạt động. Khi gặp khó khăn phải tìm kiếm sự giúp đỡ từ người khác để hoàn thành. |
| 3. Hoạt động lao động | 19. Trẻ tự chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ, trang phục... để tham gia các hoạt động lao động cùng cô và các bạn. | 22. Trẻ sẵn sàng tham gia lao động và vui vẻ khi được tự làm những việc. | 25. Trẻ kể được hoạt động trẻ làm; đồ dùng, dụng cụ cần cho hoạt động. |
| | 20. Trẻ tự giải quyết các tình huống trong hoạt động theo khả năng. | 23. Trẻ tập trung hoạt động, tham gia tích cực vào hoạt động. | 26. Trẻ kể được cách thức thực hiện nhiệm vụ. |
| | 21. Trẻ tự tìm sự giúp đỡ của người lớn khi cần thiết trong hoạt động. | 24. Trẻ không bỏ dở công việc khi chưa làm xong. | 9. Trẻ nói được trách nhiệm của mình trong khi hoạt động. Khi gặp khó khăn phải biết tìm kiếm sự giúp đỡ từ người khác để hoàn thành công việc. |
| 4. Hoạt động ăn | 28. Trẻ tự chuẩn bị cho giờ ăn: (tự lấy, tự cắt đồ dùng trước và sau khi ăn..) | 31. Trẻ vui vẻ, sẵn sàng tham gia chuẩn bị cho giờ ăn | 34. Trẻ kể được hoạt động trẻ làm; đồ dùng, dụng cụ cần cho hoạt động ăn. |

| | | | |
|------------------------------|---|--|--|
| | 29. Trẻ tự giải quyết các tình huống trong ăn uống, không phụ thuộc vào người khác. | 32. Trẻ tập trung trong ăn uống, tham gia tích cực vào công việc. | 35. Trẻ mô tả được hành động, thao tác của hoạt động trẻ làm. |
| | 30. Trẻ tự tìm sự trợ giúp của người lớn khi cần thiết. | 33. Trẻ không bỏ dở công việc khi chưa làm xong. | 36. Trẻ nói được trách nhiệm của mình trong khi ăn. Gặp khó khăn biết tìm kiếm sự giúp đỡ từ người khác để hoàn thành công việc. |
| 5. Hoạt động ngủ | 37. Trẻ tự chuẩn bị trước, sau giờ ngủ: (tự cởi bớt áo trước khi đi ngủ; tự lấy, tự cất gối vào đúng nơi qui định; tự chải tóc, buộc tóc... (nếu có thể)) | 40. Trẻ vui vẻ, tự giác khi làm những việc trước khi đi ngủ và khi thức dậy. | 43. Trẻ kể được hoạt động trẻ làm; đồ dùng, dụng cụ cần cho hoạt động. |
| | 38. Trẻ tự giải quyết các tình huống trong quá trình hoạt động, không phụ thuộc vào người khác. | 41. Trẻ tập trung trong hoạt động, sẵn sàng hoạt động. | 44. Trẻ mô tả công việc mà trẻ làm, cách thức thực hiện nhiệm vụ. |
| | 39. Trẻ tự tìm sự trợ giúp của người khác khi cần thiết. | 42. Trẻ không bỏ dở công việc khi chưa làm xong. | 45. Trẻ nói được trách nhiệm của mình trong khi hoạt động. Khi gặp khó khăn cần tìm kiếm sự giúp đỡ từ người lớn. |
| 6. Hoạt động vệ sinh cá nhân | 46. Trẻ tự làm vệ sinh cá nhân (tự đánh răng, tự rửa mặt, mặc quần áo...) | 49. Trẻ vui vẻ, tự giác tham gia vào hoạt động. | 52. Trẻ kể được hoạt động trẻ làm; đồ dùng, dụng cụ cần cho hoạt động. |
| | 47. Trẻ biết tự giải quyết các tình huống trong quá trình hoạt động, không phụ thuộc vào người khác. | 50. Trẻ tập trung trong hoạt động, sẵn sàng hoạt động. | 53. Trẻ mô tả được cách thức thực hiện các hoạt động vệ sinh cá nhân. |
| | 48. Trẻ tự tìm sự trợ giúp của người khác khi cần thiết. | 51. Trẻ không bỏ dở công việc khi chưa làm xong. | 54. Trẻ nói được trách nhiệm của mình trong khi hoạt động. Khi gặp khó khăn cần tìm kiếm sự giúp đỡ từ người khác. |

2.2.2. Thang đánh giá mức độ tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi trong các hoạt động giáo dục ở trường mầm non

Xuất phát từ mục đích đánh giá mức độ tính tự lập của trẻ, chúng tôi sử dụng thang đo 3 mức độ/1TC:

Mức độ cao: $36 < \text{Cao} \leq 54$; Mức độ trung bình: $18 < \text{TB} \leq 36$; Mức độ thấp: $\text{Thấp} \leq 18$.

Bảng 2. Thang đánh giá mức độ tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi trong các hoạt động ở trường mầm non

| Hoạt động | Mức độ cao/3 tiêu chí | Mức độ TB/3 tiêu chí | Mức độ thấp/3 tiêu chí |
|-------------------|---|---|---|
| 1. Hoạt động chơi | Trẻ tự lựa chọn góc chơi, trò chơi, vai chơi; tự chọn đồ dùng, đồ chơi; tự thực hiện hành động của vai chơi; tự giải quyết tình huống xảy ra trong quá trình chơi; tự tìm kiếm sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết... | Trẻ tự lựa chọn góc chơi, trò chơi, vai chơi. Tuy nhiên, nội dung chơi còn nghèo nàn. Khi gặp khó, trẻ chưa biết nhờ sự giúp đỡ từ người khác. | Trẻ lúng túng trong lựa chọn vai chơi, nội dung chơi; phụ thuộc nhiều vào sự định hướng, giúp đỡ, gợi ý từ giáo viên. |
| | Trẻ thể hiện sự vui vẻ, sẵn sàng tham gia chơi; luôn tập trung thể hiện nội dung chơi, không bỏ dở khi chơi. | Trẻ vui vẻ, sẵn sàng tham gia chơi. Tuy nhiên, mức độ tập trung chưa cao, đôi khi bỏ cuộc chơi. | Trẻ thiếu sự nhiệt tình, dễ bỏ cuộc chơi. |
| | Trẻ kể tên trò chơi, vai chơi mà mình thích chơi, đang chơi; tên của đồ dùng, đồ chơi; cách thức thể hiện vai chơi, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Trẻ nói được trách nhiệm của mình trong khi chơi. Khi gặp khó khăn phải tìm kiếm sự giúp đỡ từ người khác. | Trẻ kể tên trò chơi, vai chơi; đồ dùng, đồ chơi, chưa nhớ được nội dung của vai chơi? cách chơi? chưa biết trách nhiệm của mình khi chơi; khi gặp khó khăn trẻ chưa biết phải làm gì. | Trẻ kể một vài tên trò chơi nhưng chưa biết nội dung của vai chơi; chưa biết cách chơi? luôn cần sự giúp đỡ của giáo viên. |
| 2. Hoạt động học | Trẻ tự thực hiện các nhiệm vụ mà giáo viên giao cho trong quá trình học tập; tự giải quyết các tình huống xảy ra trong hoạt động; tự tìm sự trợ giúp khi cần thiết. | Trẻ thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ, nhưng cần sự giúp đỡ của giáo viên. | Trẻ chưa tự thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ, hành động còn vụng về, cần sự giúp đỡ của giáo viên. |
| | Trẻ vui vẻ, sẵn sàng tham gia hoạt động; tập trung chú ý để thực hiện các nhiệm vụ học tập; không bỏ dở công việc khi chưa làm xong. | Trẻ vui vẻ, sẵn sàng tham gia hoạt động, Tuy nhiên, tính tập trung chưa cao, cần sự giúp đỡ của người khác để hoàn thành nhiệm vụ. | Trẻ chưa tự giác tham gia, tính tập trung không cao, phụ thuộc nhiều vào giáo viên để hoàn thành nhiệm vụ. |
| | Trẻ kể tên nhiệm vụ thực hiện trong hoạt động, tên của đồ dùng, đồ chơi, cách thức thực hiện nhiệm vụ. Trẻ nói được mình làm gì trong hoạt động. Khi gặp khó khăn phải tìm kiếm sự giúp đỡ từ người lớn. | Trẻ kể tên nhiệm vụ thực hiện, chưa nhớ cách thực hiện nhiệm vụ. Trẻ còn phụ thuộc vào sự gợi ý, định hướng của giáo viên để hoàn thành nhiệm vụ. | Trẻ kể một vài nhiệm vụ thực hiện, nhưng chưa biết làm như thế nào, luôn cần sự gợi ý của giáo viên và phụ thuộc nhiều vào giáo viên. |

| | | | |
|-----------------------|---|--|--|
| 3. Hoạt động lao động | Trẻ tự chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ, trang phục... để tham gia lao động; biết tự làm những công việc vừa sức; tự giải quyết các tình huống trong quá trình hoạt động, tự tìm sự trợ giúp khi cần thiết. | Trẻ biết chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ, trang phục... để tham gia các hoạt động; biết làm những công việc nhưng cần sự giúp đỡ của giáo viên mới hoàn thành nhiệm vụ. | Trẻ chưa biết tự chuẩn bị được những đồ dùng, dụng cụ; chưa tự làm công việc gì trong lao động, hành động còn vụng về, phụ thuộc nhiều vào sự giúp đỡ của giáo viên. |
| | Trẻ vui vẻ khi được tự làm, sẵn sàng tham gia lao động; trẻ tập trung hoạt động, không bỏ dở công việc khi chưa làm xong. | Trẻ vui khi được tự làm, nhưng đôi khi sự tập trung chưa cao, cần sự nhắc nhở của giáo viên. | Trẻ chưa tự giác tham gia vào hoạt động, thiếu tập trung trong hoạt động, luôn cần sự nhắc nhở của giáo viên. |
| | Trẻ nói được công việc trẻ làm; đồ dùng, đồ chơi cần cho hoạt động; cách thức thực hiện nhiệm vụ. Trẻ nói được trách nhiệm của mình trong hoạt động. Khi gặp khó khăn phải tìm kiếm sự giúp đỡ từ người khác. | Trẻ nói được công việc mình làm, đồ dùng, đồ chơi cần cho hoạt động nhưng chưa nhớ được cách làm rõ ràng hay khi gặp khó phải làm gì? trách nhiệm của mình là gì? Trẻ còn phụ thuộc vào gợi ý của giáo viên. | Trẻ nói được một vài công việc có thể làm được nhưng chưa nói được làm như thế nào? trách nhiệm của mình làm gì, phụ thuộc nhiều vào giáo viên. |
| 4. Giờ ăn | Trẻ tự làm những việc trước, trong và sau khi ăn; Biết tự giải quyết các tình huống trong quá trình hoạt động; biết tự tìm sự trợ giúp của người lớn khi cần thiết | Trẻ biết tự làm những việc trước, trong và sau khi ăn, nhưng chưa chủ động trong giải quyết các tình huống; đôi khi cần người lớn gợi ý, khuyến khích, động viên | Trẻ không tự làm những công việc trước, trong và sau khi ăn, hành động vụng về,... phụ thuộc nhiều từ giáo viên. |
| | Trẻ vui vẻ khi được tham gia chuẩn bị cho giờ ăn; chủ động nhờ sự giúp đỡ khi cần thiết trong ăn uống, không ỷ lại người lớn | Trẻ vui vẻ tham gia chuẩn bị cho giờ ăn, nhưng khi gặp khó trong hoạt động chưa biết chủ động tìm kiếm sự giúp đỡ từ người khác. | Trẻ chưa tự tham gia vào hoạt động, phụ thuộc nhiều vào sự giúp đỡ từ giáo viên. |
| | Trẻ kể được hoạt động trẻ làm; đồ dùng, dụng cụ cần cho hoạt động ăn. trách nhiệm của mình khi hoạt động. Khi gặp khó khăn phải tìm kiếm sự giúp đỡ. | Trẻ kể hoạt động trẻ làm, đồ dùng, dụng cụ cần cho hoạt động nhưng chưa nhớ cách làm hay khi gặp khó phải làm gì? Trẻ còn phụ thuộc vào gợi ý, định hướng của giáo viên. | Trẻ kể được một vài hoạt động mình làm được nhưng chưa biết làm như thế nào? trách nhiệm của mình làm gì, phụ thuộc nhiều vào sự giúp đỡ của giáo viên. |

| | | | |
|--------------------|---|--|--|
| 5. Giờ ngủ | Trẻ tự làm những công việc trước và sau khi đi ngủ; tự giải quyết các tình huống trong quá trình hoạt động, tự tìm sự trợ giúp khi cần thiết. | Trẻ tự làm những công việc trước và sau khi đi ngủ nhưng chưa tự giải quyết các tình huống trong quá trình hoạt động; cần sự giúp đỡ của người lớn. | Trẻ chưa tự làm những công việc trước và sau khi đi ngủ; chưa tự giải quyết các tình huống trong quá trình hoạt động, cần sự giúp đỡ nhiều của người lớn |
| | Trẻ vui vẻ, tự giác làm những việc trước khi đi ngủ và khi thức dậy; Trẻ tập trung trong hoạt động; không chờ đợi người lớn hoặc ý lại người lớn. | Trẻ vui vẻ, tự giác khi làm những việc trước khi đi ngủ và khi thức dậy; Tuy nhiên khả năng tập trung trong hoạt động chưa cao; đôi khi cần sự nhắc nhở của người lớn. | - Trẻ chưa tự giác khi làm những việc trước khi đi ngủ và khi thức dậy; khả năng tập trung trong hoạt động chưa cao; cần sự nhắc nhở của người lớn. |
| | Trẻ kể được hoạt động trẻ có thể làm được; đồ dùng, dụng cụ cần cho hoạt động. Trẻ nói được cách thức thực hiện nhiệm vụ; trách nhiệm của mình trong khi hoạt động. Khi gặp khó khăn trẻ biết phải tìm kiếm sự giúp đỡ từ người khác. | Trẻ kể được hoạt động mình làm; đồ dùng, dụng cụ cần cho hoạt động nhưng chưa nói được cách làm hay khi gặp khó phải làm gì? Trẻ còn phụ thuộc vào gợi ý, định hướng của giáo viên. | Trẻ kể được một vài việc mình làm được, nhưng chưa nói được làm như thế nào? trách nhiệm của mình làm gì, phụ thuộc hoàn toàn vào giáo viên. |
| 6. Vệ sinh cá nhân | Trẻ tự biết vệ sinh cá nhân gọn gàng, sạch sẽ; trẻ biết tự giải quyết các nhiệm vụ trong quá trình hoạt động không phụ thuộc vào người khác; trẻ tự tìm sự trợ giúp khi cần thiết | Trẻ tự làm vệ sinh cá nhân. Tuy nhiên hành vi, thao tác chưa gọn gàng, chưa khéo léo. Trẻ chưa tự giải quyết các nhiệm vụ trong quá trình hoạt động, đôi khi còn phụ thuộc vào người khác | Trẻ chưa tự làm vệ sinh cá nhân sạch sẽ, gọn gàng...; hành động vụng về. Trẻ chưa tự giải quyết các nhiệm vụ trong quá trình hoạt động, còn phụ thuộc vào người khác |
| | Trẻ vui vẻ, sẵn sàng tham gia vào hoạt động; Trẻ tập trung trong hoạt động; trẻ không ý lại người khác, không bỏ dở công việc khi chưa làm xong. | Trẻ vui vẻ, sẵn sàng tham gia vào hoạt động; nhưng trẻ chưa tập trung vào hoạt động. Để hoàn thành nhiệm vụ cần sự nhắc nhở của người lớn. | Trẻ chưa tự giác và sẵn sàng tham gia hoạt động, còn phụ thuộc vào người lớn. |
| | Trẻ kể được những hoạt động tự làm trong vệ sinh cá nhân; đồ dùng, dụng cụ cần cho hoạt động. Trẻ nói được cách thức thực hiện, nói được trách nhiệm của mình trong khi hoạt động. Khi gặp khó khăn phải tìm kiếm sự giúp đỡ từ người khác. | Trẻ kể được những hoạt động trẻ làm trong vệ sinh cá nhân; đồ dùng, đồ chơi cần cho hoạt động nhưng chưa nói được cách làm hay khi gặp khó phải làm gì? Trẻ còn phụ thuộc vào gợi ý, định hướng của giáo viên. | Trẻ kể được một vài hoạt động vệ sinh mình làm được, nhưng chưa biết làm như thế nào? trách nhiệm của mình làm gì, phụ thuộc nhiều vào giúp đỡ của giáo viên. |

2.2.3. Cách cho điểm đánh giá mức độ tính tự lập của trẻ

Với 3 tiêu chí (hành vi, thái độ, nhận thức) và 54 chỉ báo để đo tính tự lập cho trẻ 4 - 5 tuổi: *Mức độ cao*: $36 < \text{Điểm} \leq 54$; *Mức độ trung bình*: $18 < \text{Điểm} \leq 36$; *Mức độ thấp*: $\text{Điểm} \leq 18$.

2.2.4. Bài tập tình huống hỗ trợ đánh giá mức độ tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi trong các hoạt động theo hướng trải nghiệm ở trường mầm non

Trong khuôn khổ bài viết, tác giả xây dựng 1 tình huống trong hoạt động lao động làm minh họa hỗ trợ cho công cụ đánh giá mức độ tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi được chính xác hơn khi sử dụng các tiêu chí và thang đo.

| | |
|--|--|
| <p><i>Bài tập tình huống</i> <i>Tổ chức cho trẻ trải nghiệm trong hoạt động lao động vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, lớp học: “Lớp sạch - lớp đẹp”</i> <i>Chủ đề: Tết và mùa xuân</i></p> | |
| <p>1. <i>Mục đích</i>: Khảo sát về hành vi, thái độ và nhận thức tự lập của trẻ trong hoạt động lao động vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, lớp học: “Lớp sạch - lớp đẹp”.</p> | |
| <p>2. <i>Chuẩn bị</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về số lượng trẻ tham gia: 1 nhóm (4 - 5 trẻ) với 1 GV, 4 - 5 nhóm/ 1 lần - Thời gian hoạt động: 30 phút - Nhóm người khảo sát: Nhà nghiên cứu, 2 GV/1lớp - Đồ dùng cho bé: Khăn lau, chổi quét, xô, chậu, nước, khẩu trang... | |
| <p>3. <i>Cách tiến hành</i>:</p> | |
| <p>Hoạt động của cô</p> | <p>Hoạt động của trẻ</p> |
| <p>* <i>Hoạt động 1: Bé tham gia cuộc thi: “Lớp sạch - lớp đẹp”</i></p> | |
| <p>- Cô tạo tình huống: Đề chào đón mùa xuân tươi đẹp, lớp mình tổ chức thi đua “Lớp sạch - lớp đẹp”, các con cùng cô tham gia lao động vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, lớp học để lớp sạch - đẹp thi đua với các lớp. - Các con cùng thảo luận xem chúng mình cần phải làm những gì? Chuẩn bị những gì? Làm như thế nào?</p> | <p>- Trẻ thảo luận cùng nhau và tự lên kế hoạch thực hiện nhiệm vụ lao động: vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, lớp học.</p> |
| <p>* <i>Hoạt động 2: Bé trải nghiệm</i></p> | |
| <p>- Cô tham gia trải nghiệm cùng trẻ: - Cô cùng trẻ chia nhóm và thảo luận về nhiệm vụ của các nhóm - Cho trẻ tiến hành thảo luận về nhiệm vụ phải làm: + Lau, quét những khu vực nào? Đồ dùng gì? Sắp xếp ra sao? + Chuẩn bị những gì? - Cô tham gia làm cùng trẻ, trò chuyện cùng trẻ về hoạt động trẻ đang làm, giúp đỡ trẻ khi cần thiết; kịp thời động viên</p> | <p>- Trẻ tự nhận khu vực để lau, chùi, quét dọn. - Trẻ thảo luận, phân công nhiệm vụ cho nhau. - Tự lựa chọn đồ dùng, dụng cụ để thực hiện nhiệm vụ.</p> |

| | |
|--|--|
| khích lệ trẻ. | - Trẻ tiến hành thực hiện nhiệm vụ. |
| - Thử nghiệm tính tích cực, chủ động của trẻ trong quá trình hoạt động thông qua việc cô tạo tình huống (Thiếu đồ dùng, đề xuất nhiệm vụ mới nảy sinh...) để trẻ tự giải quyết các tình huống, vận dụng kinh nghiệm, xử lý tình huống theo từng hoạt động trong thực tế. | - Trẻ tự giải quyết các tình huống, các sự việc mới nảy sinh trong quá trình hoạt động theo hiểu biết, khả năng của mình. |
| <i>* Hoạt động 3: Bé cùng chia sẻ</i> | |
| - Cô cùng trẻ trao đổi, chia sẻ trong quá trình hoạt động - Cô đàm thoại cùng trẻ; lắng nghe ý kiến từ trẻ; nắm bắt thông tin, hiểu biết của trẻ, trao đổi, chính xác hóa kiến thức, hình thành khái niệm đúng cho trẻ, giúp trẻ nhận thức đúng hơn. - Định hướng cho trẻ vận dụng kinh nghiệm vào cuộc sống | - Trẻ trao đổi cùng cô, bạn bè, chia sẻ những hiểu biết của mình về nội dung hoạt động, cách thực hiện, sản phẩm của trẻ trong quá trình hoạt động. |
| <i>* Hoạt động 4: Bé nhận xét, đánh giá</i> | |
| - Cô tổ chức cho trẻ tham gia nhận xét, đánh giá về bản thân, về bạn chơi + Cho trẻ chia sẻ cảm xúc, có ý kiến về nhiệm vụ đã làm + Cô nhận xét, đánh giá, khen trẻ. - Cô cùng trẻ thu dọn đồ dùng, dụng cụ; nhắc trẻ tự vệ sinh cá nhân. | - Trẻ chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm để hoàn thành nhiệm vụ công việc được giao. - Nhận xét, đánh giá về quá trình hoạt động của bản thân, của bạn. - Trẻ tự cất đồ dùng, dụng cụ về đúng nơi qui định. - Tự vệ sinh cá nhân: Rửa tay, lau mặt... |
| 4. Đánh giá (Sử dụng tiêu chí tại mục 2.2.1. (Hoạt động lao động) và thang đo tại mục 2.2.2. (Hoạt động lao động)) | |

3. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG MỨC ĐỘ TÍNH TỰ LẬP CỦA TRẺ 4 - 5 TUỔI

Tác giả sử dụng các tiêu chí, thang đo, và tiến hành quan sát trẻ trong các hoạt động để đánh giá thực trạng mức độ tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi. Ngoài ra, đánh giá trẻ thông qua việc kết hợp hệ thống các tình huống trong các hoạt động, giúp quá trình đánh giá mức độ tính tự lập của trẻ bằng các tiêu chí được chính xác hơn;

Kết quả đánh giá thực trạng mức độ tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi:

Tác giả tiến hành khảo sát 120 trẻ 4 - 5 tuổi

Thời gian khảo sát: Từ 15/02/2022 đến 10/03/2022

Địa bàn khảo sát: Tại 8 trường mầm non (Mầm non Thực Hành Đại học Hồng Đức, Mầm non Quảng Tâm, Mầm non Lam Sơn, Mầm non An Hoạch, Mầm non Đông Thọ B, Mầm non Tân Sơn, Mầm non Đông Hương, Mầm non Ngọc Trạo).

Kết quả thực trạng mức độ tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi qua 3 tiêu chí

Bảng 3. Thực trạng tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi qua 3 tiêu chí

| Số trẻ | Mức độ (n=120) | | | | | | Mean |
|--------|-----------------------------------|------|---------------------------------|------|--------------------------------|------|---------|
| | Cao ($36 < \text{Cao} \leq 54$) | | TB ($18 < \text{TB} \leq 36$) | | Thấp ($\text{Thấp} \leq 18$) | | |
| | SL | % | SL | % | SL | % | |
| 120 | 5 | 4.17 | 59 | 49.1 | 56 | 46.7 | 25.4000 |

Dựa vào bảng 3 về kết quả thực trạng mức độ tính tự lập của tổng số 120 trẻ được khảo sát qua 3 tiêu chí ở 8 trường mầm non cho thấy: tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi chủ yếu tập trung ở mức độ TB và thấp. Trẻ đạt ở mức độ cao chỉ có 4.17%, mức độ TB chiếm tới 49.1% và mức độ thấp 46.7%. Kết quả này là cơ sở để tác giả đánh giá thực trạng về mức độ tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi; từ đó tìm hiểu nguyên nhân và có điều chỉnh tác động phù hợp với trẻ trong quá trình nghiên cứu.

4. KẾT LUẬN

Tính tự lập của trẻ được hình thành và phát triển cùng với sự hoàn thiện về thể chất và tâm lí. Ở mỗi độ tuổi, biểu hiện tính tự lập của trẻ có sự khác nhau và bộc lộ qua những dấu hiệu về hành vi, thái độ và nhận thức. Việc xây dựng các tiêu chí, chỉ báo, thang đo và hệ thống bài tập dựa vào dấu hiệu hành vi, thái độ và nhận thức của trẻ làm công cụ đo là thật sự cần thiết, giúp nhà giáo dục sử dụng trong nghiên cứu, đánh giá trẻ, làm công cụ đánh giá mức độ tính tự lập của trẻ trong các hoạt động và sử dụng trong thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non, trong quá trình nghiên cứu, góp phần giáo dục thể hệ trẻ năng động, tự chủ, dễ hòa nhập, phù hợp với xu thế hội nhập trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Thị Huyền (2022), Xây dựng tiêu chí và thang đo mức độ tính tự lập của trẻ 4 - 5 tuổi trong các hoạt động ở trường mầm non, *Tạp chí Giáo dục*, tập 22, số 3, tháng 02.
- [2] Hoàng Thị Phương (Chủ biên), Lê Thị Bắc Lý, Bùi Thị Lâm, Nguyễn Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Mỹ Dung, Vũ Thanh Vân (2018), *Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non*, Nxb. Đại học Sư Phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên), Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa (2005), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Hồng Thuận, (2002), *Một số biện pháp tác động của gia đình nhằm phát triển tính tự lập cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Алексеева Г.Г. (2018), *Программа "Самостоятельное развитие у детей 5 - 6 лет"*, Рецензент: Пьянкова Г.С.
- [6] Бадина L.L. (2018), Развитие самостоятельности инициативности у дошкольников, педагог-психолог, МБДОУ, Детский сад №44, г. Саров.

- [7] Власова Т.А. (2000), *Формирование самостоятельности у детей дошкольного возраста в художественном ручном труде, тема диссертации и автореферата по ВАК РФ 13.00.07*, кандидат педагогических наук.
- [8] Зверева С.А. (2015), Теоретическая основа самостоятельного развития трудовой деятельности для дошкольников в возрасте от 5 до 6 лет, № 1-1.
- [9] Кон, И. С. (1992), *Независимая психология*, Санитарное просвещение.
- [10] Теплюк, С. (1991), *Истоки самостоятельности, Дошкольное воспитание*, №7.

EVALUATING THE LEVELS OF 4 TO 5 YEAR-OLDS' SELF - RELIANCE IN EXPERIENTIAL ACTIVITIES IN PRESCHOOLS

Le Thi Huyen

ABSTRACT

Independence is one of the important qualities in the psychology of human personality. Educating children to be independent is a necessity for children in modern society. Thanks to their autonomy, children easily participate in activities, social relationships at home, school and community. The article clarifies the concept of independence and independence of 4-5 year old children; experience; experiential education for preschool children; Developing criteria and scale for the level of independence of 4-5 year old children in educational activities at preschool. Designing case studies as a tool to measure the independence of 4-5 year olds in play and work activities to illustrate the process of assessing the independence of children of 4 -5 in the research process, contributing to improving the effectiveness of children's independence education, the quality of child care, nurturing and education in preschool.

Keyword: *Independence, 4 - 5 year olds, experience, activities, preschool.*

* Ngày nộp bài: 29/9/2022; Ngày gửi phản biện: 17/10/2022; Ngày duyệt đăng: 28/2/2023

* Bài báo là kết quả nghiên cứu từ đề tài cấp cơ sở, Mã số đề tài ĐT-2021-28 của Trường Đại học Hồng Đức